**TIẾNG VIỆT**

**Luyện tập:Từ có nghĩa giống nhau - Dấu gạch ngang.**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

+ Nhận biết được những từ có nghĩa giống nhau ( qua ngữ cảnh, qua tranh ảnh) và sử dụng từ trong nhóm giống nghĩa nhau để đặt câu. Nhận biết vị trí của dấu gạch ngang trong đoạn văn

**2. Năng lực**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, viết bài đúng, kịp thời và hoàn thành các nội dung trong SGK.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tham gia làm việc nhóm trong các hoạt động học tập.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu quê hương, đất nước qua quan sát và tìm hiểu các hình ảnh trong bài.

- Phẩm chất nhân ái: Biết yêu quý và tôn trọng bạn trong làm việc nhóm.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ viết bài, trả lời câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động-Kết nối (3-5’)**  - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  - Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + Câu 1: Tìm các từ ngữ chỉ sự vật trong thiên nhiên?  + Câu 2: Đặt câu với từ ngữ chỉ sự vật trong thiên nhiên vừa tìm được?  GVnhận xét - Dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia chơi:  - 1 HS trả lời  - 1 HS đọc bài và trả lời:  -HS nhắc lại đầu bài |
| **2. Khám phá (28-30’***)*  - Mục tiêu:  + Nhận biết được những từ có nghĩa giống nhau ( qua ngữ cảnh, qua tranh ảnh) và sử dụng từ trong nhóm giống nghĩa nhau để đặt câu. Nhận biết vị trí của dấu gạch ngang trong đoạn văn  + Phát triển năng lực ngôn ngữ.  - Cách tiến hành: | |
| **2.1. Hoạt động 1: Luyện từ và câu (làm việc nhóm)**  **a. Tìm từ có nghĩa giống với mỗi từ in đậm trong câu.**  **Bài 1:** Tìm từ có nghĩa giống với mỗi từ in đậm dưới đây. (Làm việc nhóm 2)  - GV mời cầu HS đọc yêu cầu bài 1.  - Giao nhiệm vụ cho các nhóm làm việc: Tìm ra các từ có nghĩa giống với từ *chăm chỉ* và *kiên nhẫn*  - Mời đại diện nhóm trình bày.  - Mời các nhóm nhận xét, bổ sung.  - Nhận xét, chốt đáp án:  + Có nghĩa giống với từ chăm chỉ: chăm, siêng năng, cần cù, chịu khó,…  + Có nghĩa giống với từ kiên nhẫn: kiên trì, nhẫn nại, bền gan, bền bỉ, bền lòng,…  **b. Dựa vào tranh, tìm 2-3 từ chỉ màu xanh. Đặt câu với từ tìm được**  **Bài 2:** Dựa vào tranh, tìm 2-3 từ chỉ màu xanh. Đặt câu với từ em tìm được. (làm việc nhóm 4)  - GV mời HS nêu yêu cầu bài tập 2.  - GV hướng dẫn: Tìm những sự vật trong tranh có màu xanh. Từ chỉ màu xanh nào phù hợp nhất với mỗi sự vật đó  - GV giao nhiệm vụ cho HS trao đổi nhóm tìm các từ ngữ chỉ màu xanh; đặt câu với từ tìm được.  - Mời đại diện nhóm trình bày.  - Mời các nhóm nhận xét, bổ sung.  - GV soi đáp án:  xanh biếc, xanh thắm, xanh thẳm, xanh lơ, xanh thẫm, xanh um, xanh rì, xanh rờn, xanh trong, xanh mướt, xanh xám,...  - GV nhận xét Chốt KT  **2.2. Hoạt động 2: Làm việc cá nhân**  **Bài tập 3:** Lời nói của thỏ con và đàn chim trong đoạn văn được đánh dấu bằng dấu câu nào? Nêu vị trí của dấu câu đó.  - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài 3.  - GV gợi ý: Tìm lời nói của thỏ và của đàn chim.  - Dấu câu nào đã đánh dấu những lời nói đó? Dấu câu đó đứng ở vị trí nào? ( đầu câu, giữa câu hay cuối câu)  - GV yêu cầu HS trả lời.  - GV nhận xét, tuyên dương và chốt đáp án:  + Lời nói của thỏ ( Hồng của tớ!) và lời nói của đàn chim ( Cho chúng tớ ăn nhé. Chúng tớ đói lả rồi. ) được đánh dấu bằng dấu gạch ngang. Dấu câu này đứng ở vị trí đầu câu. | - 1 HS đọc yêu cầu bài 1  - HS làm việc theo nhóm 2.  - Đại diện nhóm trình bày:  - Các nhóm nhận xét, bổ sung.  - HS quan sát, bổ sung.  - 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2.  - HS lắng nghe  - HS thực hiện nhiệm vụ.  - Các nhóm trình bày kết quả.  - HS nhận xét bạn.  - HS đọc  - HS nghe rút KN  - HS đọc yêu cầu bài tập 3.  - HS lắng nghe  - HS suy nghĩ và trả lời.  - HS nhận xét trình bày của bạn. |
| **3. Vận dụng (3-5’)**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  + Đọc mở rộng theo yêu cầu ( tìm đọc câu chuyện, bài thơ nói về một việc làm tốt)  + Phát triển năng lực ngôn ngữ.  - Cách tiến hành: | |
| - GV cho HS đọc bài mở rộng “Vị khách tốt bụng” trong SGK.  - GV trao đổi những về những hoạt động HS yêu thích trong bài  - GV giao nhiệm vụ HS về nhà tìm đọc thêm những câu chuyện, bài thơ,...nói về việc làm tốt.  + Tiết học hôm nay em tiếp thu được KT gì?  + Em có cảm nhận gì về tiết học này?  + Bạn nhận xét như vậy em thấy thế nào?  - Nhận xét, đánh giá tiết dạy. | - HS đọc bài mở rộng.  - HS trả lời theo ý thích của mình.  - HS lắng nghe, về nhà thực hiện.  - HS trả lời  - HS trả lời  - HS nêu suy nghĩ của mình về những điều bạn vừa nhận xét |

**\* Điều chỉnh sau bài dạy**

................................................................................................................................

................................................................................................................................

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**TIẾNG VIỆT**

**Luyện tập: Mở rộng vốn từ giao tiếp - Câu kể dấu hỏi**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức - kĩ năng**

- Dựa vào tranh minh hoạ, đặt được câu kể, câu hỏi

- Tìm được từ ngữ chỉ thái độ giao tiếp lịch sự.

- Nhận biết và phân biệt được hai kiểu câu theo mục đích nói (câu kể, câu hỏi) dựa theo dấu hiệu hình thức như dấu câu, từ đánh dấu kiểu câu và mục đích nói; nói được câu kể, câu hỏi trong tình huống giao tiếp cụ thể.

**2. Năng lực**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, viết bài đúng, kịp thời và hoàn thành các nội dung trong SGK.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tham gia làm việc nhóm trong các hoạt động học tập.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu quê hương, đất nước qua quan sát và tìm hiểu các hình ảnh trong bài.

- Phẩm chất nhân ái: Biết yêu quý và tôn trọng bạn trong làm việc nhóm.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ viết bài, trả lời câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động - Kết nối (3-5’)**  - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  - Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + Câu 1: Lần đầu tiên An gọi điện thoại cho Minh, hai bạn đã nói chuyện với nhau thế nào?  + Câu 2: Vì sao lần nói chuyện thứ hai, cả hai bạn đều nói chuyện rất nhỏ?  - GV nhận xét, tuyên dương  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia chơi:  - HS trả lời: Hai bạn cười nói rất to lại còn gào lên trong máy vì quá vui thích.  + Vì bố của hai bạn đều nhận xét hai bạn nói to quá, cả thành phố, cả thế giới nghe được câu chuyện của hai bạn.  Nhắc lại đầu bài |
| **2. Khám phá (28-30’)**  *- Mục tiêu:*  + Dựa vào tranh minh hoạ, đặt được câu kể, câu hỏi  + Tìm được từ ngữ chỉ thái độ giao tiếp lịch sự.  + Nhận biết và phân biệt được hai kiểu câu theo mục đích nói (câu kể, câu hỏi) dựa theo dấu hiệu hình thức như dấu câu, từ đánh dấu kiểu câu và mục đích nói; nói được câu kể, câu hỏi trong tình huống giao tiếp cụ thể.  + Phát triển năng lực ngôn ngữ.  *- Cách tiến hành:* | |
| **2.1. Hoạt động 1: Tìm từ ngữ chỉ thái độ lịch sự trong giao tiếp (làm việc cá nhân, nhóm)**  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu: *Từ ngữ nào dưới đây chỉ thái độ lịch sự trong giao tiếp?*  - GV trình chiếu các từ ngữ lên bảng: *thân thiện, tôn trọng, cáu gắt, lạnh lùng, hòa nhã, lễ phép, cởi mở*  - GV hướng dẫn HS thảo luận theo nhóm.  - Mời đại diện nhóm trình bày.  - Mời các nhóm nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, chốt đáp án: *thân thiện, tôn trọng, hòa nhã, lễ phép, cởi mở*  **2.2. Hoạt động 2: Đặt hai câu với từ ngữ tìm được ở bài tập 1**  - GV mời HS nêu yêu cầu bài tập 2.  - GV giao nhiệm vụ cho HS suy nghĩ, đặt câu trong vở nháp.  - Mời HS đọc câu đã đặt.  - Mời HS khác nhận xét.  - GV nhận xét, tuyên dương, bổ sung.  **2.3. Hoạt động 3:** Xếp các câu đã cho vào kiểu câu thích hợp (làm việc nhóm)  - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài 3.  - GV hướng dẫn mẫu 1 câu  - GV giao nhiệm vụ làm việc theo nhóm 4, xếp các câu vào kiểu câu thích hợp:  - Gọi đại diện nhóm trình bày  - GV nhận xét, chốt đáp án:   |  |  | | --- | --- | | **Câu kể** | **Câu hỏi** | | An và Minh đang... | Ai là người...? | | Tôi lắng nghe cô giáo.. | Bạn có biết...? |   - GV gợi ý cho HS chỉ ra dấu hiệu về dấu câu, cách dùng từ của mỗi kiểu câu.  - GV khắc sâu về hai kiểu câu  **2.4. Hoạt động 4: Nhìn tranh đặt câu kể, câu hỏi**  - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài 4.  - GV trình chiếu tranh, hướng dẫn HS nhận biết nội dung tranh và đặt câu  - GV làm mẫu 1 câu  - Y/C đại diện nhóm trình bày  - GV soi bài mẫu HS đọc  - GV chốt KT  - GV nhận xét, tuyên dương nhóm có nhiều câu đúng và hay. | - 1 HS đọc yêu cầu  - Cả lớp đọc thầm y/c và các từ ngữ  - HS làm vệc nhóm:  + Từng cá nhân ghi từ ngữ tìm được ra giấy  + Chia sẻ với các bạn trong nhóm. Cả nhóm thống nhất  + Đại diện nhóm trình bày  - Cả lớp nhận xét, bổ sung  - HS đọc lại các từ ngữ  - 1 HS đọc yêu cầu bài 2  - HS làm việc theo nhóm 2.  - Đại diện nhóm trình bày:  - Các nhóm nhận xét, bổ sung.  - HS đọc yêu cầu.  - HS làm việc theo nhóm  - Đại diện nhóm trình bày  - HS nêu dấu hiệu phân biệt hai kiểu câu  - HS đọc yêu cầu bài tập 4.  - HS làm việc theo nhóm.  + B1: QS tranh, chỉ ra cảnh vật, hoạt động có trong tranh  + B2: Đặt câu kể, câu hỏi về sự vật, hoạt động em thấy trong tranh  - Đại diện các nhóm trình bày  - Các nhóm nhận xét chéo nhau.  - HS đọc  - HS nghe rút KN |
| **3. Vận dụng (3-5’)**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  + Phát triển năng lực ngôn ngữ.  - Cách tiến hành: | |
| - GV cho HS thi nói một số câu kể, câu hỏi  - GV giao nhiệm vụ HS về nhà đặt một số câu kể và câu hỏi về sự vật, sự việc xung quanh em  - Nhận xét, đánh giá tiết dạy.  + Tiết học hôm nay em tiếp thu được KT gì?  + Em có cảm nhận gì về tiết học này?  + Bạn nhận xét như vậy em thấy thế nào?  - Nhận xét, đánh giá tiết dạy. | - HS phân hai đội và thi nói.  - HS lắng nghe, về nhà thực hiện.  - HS trả lời  - HS trả lời  - HS nêu suy nghĩ của mình về những điều bạn vừa nhận xét. |

**\* Điều chỉnh sau bài dạy**

................................................................................................................................

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_